

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
BẠCH ĐẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2023 -2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1020	293	263	194	270
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	945 92,64 %	276 94,2 %	242 92,02 %	174 89,69 %	252 24,71 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	103 10,09 %	17 5,8 %	21 7,98 %	20 10,31 %	14 1,37%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 1,17 %	4 0,39 %			4 0,39 %
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1020	293	263	194	270
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		139 47,44 %	102 38,78 %	74 38,14 %	104 38,52 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		109 37,2 %	109 41,44 %	71 36,6 %	111 41,11 %
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		41 13,99 %	47 17,87 %	44 22,68 %	55 20,37 %
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		4 1,37 %	5 1,92 %	5 2,58 %	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		289 98,63 %	258 98,09 %	189 97,42 %	270 100 %
a	Học sinh xuất sắc (Theo TT 22) – khối 6,7,8	93	42 14,33 %	32 12,17 %	19 9,79 %	
	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số) –Theo TT 22 - Khối 6,7,8	212	96 32,76 %	62 23,57 %	54 27,84 %	
	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số) –Theo TT 58 - Khối 9	104				104 38,52 %
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)- khối 9	111				111 41,11 %
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		4 1,37 %	5 1,92 %	5 2,58 %	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/18		8/6	1/6	3/6
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	0	1	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					10
2	Cấp tỉnh/thành phố					7
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	270				270
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	270				270
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					107 39,63 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					105 38,89 %
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					58 21,48 %

VII	Số học sinh thi đỗ tuyển sinh lớp 10 công lập(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	497/523	156/137	117/146	94/100	130/140
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	15	2	4	6	3

Quận 3, ngày 24 tháng 6 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Ngọc Diệp